TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: **102**/2024/DS-ST
Ngày: 06-6-2024;
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hà**;
Các hội thẩm nhân dân: **Bà Dương Tú Anh**;
Bà Vũ Thị Mai;

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Nhung -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà **Phạm Hà Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 234/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023 về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57 ngày 18/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78 ngày 17 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 90 ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A** (viết tắt là ABank); Trụ sở: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT; Người nhận ủy quyền lại: Ông Đỗ Mạnh K; Địa chỉ liên hệ: phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Ông K có mặt.

Bị đơn: **Bà Lê Thị Hồng N**, sinh năm: 1985; **Ông Tống Văn P**, sinh năm 1985; Cùng đăng ký thường trú: ngõ chợ Khâm Thiên, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội. Bà N, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

1. Ngày 10/5/2019 ABank - Chi nhánh Kinh Đô, bà Lê Thị Hồng N, ông Tống Văn P ký hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1905091380212; theo hợp đồng các bên thống nhất: ABank cho bà N, ông P vay số tiền 460 triệu đồng; thời hạn cho vay 96 tháng (Tính từ ngày tiếp theo ngày 10/5/2019 đến ngày 10/5/2027), trả gốc lãi định kỳ thàng tháng; Mục đích vay: Mua xe Honda Jazz V CVT sản xuất 2018 mới 100% để đi lại; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm; Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định:

Điều chỉnh định kỳ: Trong khoảng thời gian 3 tháng từ ngày 10/5/2019 là 9.9%/năm; sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7,

01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/8/2019; ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là 01/10/2019; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,7%/năm… Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả….

Sau khi hoàn tất các thủ tục, ngày 10/5/2019 ABank đã giải ngân cho khách hàng theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng.

2. Ngày 22/4/2019 bà Lê Thị Hồng N ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (viết tắt là hợp đồng thẻ tín dụng), theo hợp đồng bà N đề nghị Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng thẻ là 40.000.000 đồng, mục đích cấp tín dụng là phục vụ tiêu dùng cá nhân.

Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng, bà N đã sử dụng thẻ.

3. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16/11/2020 đến nay, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nợ, yêu cầu bà N, ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà N, ông P không trả.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Hồng N và ông Tống Văn P thanh toán cho ABank toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 22/02/2024 là 717.355.698 đồng, gồm: Nợ gốc 368.527.988 đồng; nợ lãi 308.345.807 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 4.125.316 đồng; Phạt chậm trả 60.575.202 đồng.

Buộc bà N, ông P tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng từ ngày 23/02/2024 cho đến ngày thực tế bà N, ông P thanh toán hết nợ cho ABank.

ABank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô con, nhãn hiệu Honda Jazz V CVT, biển kiểm soát 30F-714.xx do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2019 thuộc quyền sở hữu của bà N, ông P.

***** Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ cho bà Lê Thị Hồng N và ông Tống Văn P nhưng bà N, ông P đều vắng mặt, không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến, quan điểm.

Tại phiên tòa:

* ABank do ông K trình bày: ABank giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Hồng N và ông Tống Văn P thanh toán cho ABank toàn bộ số tiền tính đến ngày 05/6/2024 là 750.423.508 đồng, gồm:

Hợp đồng vay: Nợ gốc 368.527.988 đồng; nợ lãi 314.503.671 đồng; phạt chậm trả 63.136.329 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng: Nợ lãi: 4.255.520 đồng.

Buộc bà N, ông P tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay từ ngày 06/6/2024 cho đến ngày thực tế bà N, ông P thanh toán hết nợ cho ABank.

ABank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô mang nhãn hiệu Honda Jazz V CVT, biển kiểm soát 30F-714.xx do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2019 thuộc quyền sở hữu của bà N, ông P.

* Bà Lê Thị Hồng N và ông Tống Văn P đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ ba hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

*** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên Tòa có ý kiến**:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiên quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

* Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ABank đối với bà N, ông P.

Xác nhận bà N và ông P còn nợ ABank tổng số tiền tính đến ngày 05/6/2024 là 750.423.508 đồng, gồm: Hợp đồng vay: Nợ gốc 368.527.988 đồng; nợ lãi 314.503.671 đồng; phạt chậm trả 63.136.329 đồng. Hợp đồng thẻ tín dụng: Nợ lãi: 4.255.520 đồng.

2. Buộc bà N, ông P tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay từ ngày 06/6/2024 cho đến ngày thực tế bà N, ông P thanh toán hết nợ cho ABank.

3. ABank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô mang nhãn hiệu Honda Jazz V CVT, biển kiểm soát 30F-714.xx do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2019 đứng tên bà N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Thẩm quyền: Bà N và ông P có đăng ký thường trú tại phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội; Bà N, ông P không còn cư trú tại địa chỉ đăng ký thường trú nhưng không khai báo, điều chỉnh thông tin về cư trú; Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật cư trú; Điều 5 của Hợp đồng

cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212 ngày 10/5/2019, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Xét việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập đương sự đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông P.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét các hợp đồng ký giữa ABank với bà N, ông P:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, thấy:

2.1.1. Ngày 22/4/2019 bà Lê Thị Hồng N ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (viết tắt là hợp đồng thẻ tín dụng), theo hợp đồng bà N đề nghị Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng thẻ là 40.000.000 đồng, mục đích cấp tín dụng là phục vụ tiêu dùng cá nhân.

Tại điểm g của phần III xác nhận, cam kết… thể hiện: Chủ thẻ xác nhận đã được ABank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới việc mở và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ NHĐT, đã đọc, hiểu rõ và đồng ý tuân theo các điều kiện và điều khoản tại Điều kiện về dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân, cũng như tuân thủ và chịu sự ràng buộc bởi các quy định của ABank liên quan tới các chương trình, sản phẩm.

Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng, bà N đã sử dụng thẻ.

Nhận thấy: Hợp đồng thẻ tín dụng được lập bằng văn bản, bà N ký đầy đủ các trang; Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, 385, 401, 463 Bộ luật dân sự nên các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng.

2.1.2. Ngày 10/5/2019 ABank - Chi nhánh Kinh Đô và bà Lê Thị Hồng N, ông Tống Văn P ký ký Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212, với nội dung:

ABank cho bà N, ông P vay số tiền 460.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 10/5/2019 đến ngày 10/5/2027; Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe Honda Jazz; Các kỳ trả nợ gốc: định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/6/2019; Kỳ trả nợ lãi: định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2019…

Nhận thấy: Hợp đồng cho vay được lập bằng văn bản, ký giữa ABank với bà N và ông P; Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn; từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng; Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 385, 401, 463 Bộ luật dân sự; bà N, ông P, ABank có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2.2. Xét yêu cầu của ABank về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc:

2.2.1. Tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử và các tài liệu do Ngân hàng cung cấp, nhận các bên thống nhất: Chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác. Ngân hàng xác nhận bà N đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đầy đủ cho Ngân hàng, nên không xét.

2.2.2. Đối với Hợp đồng vay: Ngân hàng khẳng định đã giải ngân số tiền vay 460 triệu đồng cho khách vay bằng hình thức chuyển khoản số tiền vay cho đơn vị nhận là Công ty CP tập đoàn Thái Bình - Chi nhánh ô tô Giải Phóng theo đề nghị giải ngân của bà N, ông P.

Ngày 10/5/2019 bà N đã ký Ủy nhiệm chi, nhận nợ số tiền 460 triệu đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời thừa nhận của các đương sự trong vụ án thấy: ABank đã giải ngân số tiền vay là 460 triệu đồng vào tài khoản thụ hưởng theo đề nghị cuả bà N, ông P; như vậy, đủ căn cứ xác định bà N, ông P đã vay của ABank số tiền 460 triệu đồng.

Căn cứ bảng kê do Ngân hàng cung cấp, xác định tính đến ngày 31/3/2022 bà N, ông P đã trả tổng số tiền nợ gốc là 91.472.012 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là 368.527.988 đồng.

Tại Điều 6 của Bản điều kiện giao dịch chung về cho vay và thế chấp ô tô đã nêu rõ: Các bên thống nhất thỏa thuận ABank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của khách hàng trước thời hạn trong những trường hợp: Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc, lãi nào theo thỏa thuận…

Như vậy, mặc dù chưa hết thời hạn của hợp đồng vay nhưng do ông P, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của ABank về việc buộc bà N, ông P thanh toán toàn bộ số nợ gốc chưa thanh toán là 368.527.988 đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212 ngày 10/5/2019 là có căn cứ, phù hợp với Điều 280, 281 và Điều 466 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận. Buộc bà N, ông P trả cho VPBanh số tiền nợ gốc 368.527.988 đồng.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán lãi theo các hợp đồng:

- Đối với Hợp đồng cho vay:

Theo mục 7 Điều 1 của Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212: Các bên thống nhất thỏa thuận về lãi tiền vay cụ thể như sau:

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm trong khoảng 3 tháng kể từ ngày 10/5/2019; sau đó được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/01 lần vào các

ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/8/2019, ngày điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/10/2019; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.ABank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,7%/năm…; lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Nhận thấy: Thỏa thuận về mức lãi suất ABank áp dụng đối với khoản vay của bà N, ông P tại hợp đồng tín dụng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; phù hợp với các Quyết định của Ngân hàng về việc điều chỉnh mức lãi suất đối với từng thời điểm, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 280, 281, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 8 Nghị quyết 01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Do đó, yêu cầu của ABank được chấp nhận. Buộc bà N, ông P phải trả tổng tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính đến ngày 05/6/2024 là nợ lãi 314.503.671 đồng; phạt chậm trả 63.136.329 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 đến ngày thực tế thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay.

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng:

Theo Điều 6 của Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại ABank kèm hợp đồng thẻ tín dụng, quy định:

Khoản 4: Lãi suất quá hạn và phí chậm trả: … khách hàng đồng ý rằng, tất cả các khoản phí, phạt (nếu có) phát sinh trong quá trình Chủ thẻ sử dụng thẻ tín dụng nếu không được Chủ thẻ thanh toán đúng hạn sẽ được tính vào dư nợ thẻ tín dụng; lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Nhận thấy:

Theo Bảng kê ABank cung cấp khoản nợ thẻ tín dụng phát sinh nợ, phí quá hạn từ ngày 09/8/2019, nhưng bà N không thanh toán nên yêu cầu của ABank về việc buộc bà N phải trả số tiền lãi 4.255.520 đồng là phù hợp với thỏa thuận của bà N, phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Bà N, ông P là vợ chồng. Tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản…, nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình…

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà N, ông P trả ABank khoản nợ trên.

2.4. Xét yêu cầu của ABank đối với việc xử lý tài sản thế chấp khi bà N, ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

Theo Điều 3 của Hợp đồng vay, các bên thống nhất: Để đảm bảo cho khoản vay, bà N và ông P đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn Honda Jazz V CVT biển kiểm soát 30F-714.xx, số khung MRHGK5830KT040xxx; Số máy L15Z24463xxx (giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 5729xx đứng tên Lê Thị Hồng N; các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng đối với ABank phát sinh từ hợp đồng vay, các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa khách hàng và ABank…

Ngày 10/5/2019 bà N, ông P đã có Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng gửi Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng; Hồi 14 giờ 16 phút ngày 10/5/2019 nội dung đăng ký được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm có hiệu lực đăng ký được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng chứng nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà N, ông P đưa xe đến để Tòa án cùng các cơ quan chuyên môn tiến hành xem xét, thẩm định, tuy nhiên, bà N ông P đều vắng mặt không có lý do.

Nhận thấy: Theo nội dung Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn; các bên nhất trí và cùng ký tên; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp pháp luật; Sau khi thế chấp, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định; Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320 Bộ luật dân sự; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng kí giao dịch bảo đảm; Xác định Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật; Các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các thỏa thuận đã ký. Do đó, yêu cầu của ABank về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bà N, ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

* Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà N, ông P không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự; không có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4]. Về án phí: Bà N, ông P phải chịu án phí dân sự theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 116, 117, 118, 119, 280, 463, 466, 468; Điều 317, 318, 319, 320, 298, 299 và Điều 688 Bộ luật dân sự

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 27, 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng kí giao dịch bảo đảm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A khởi kiện đối với bà Lê Thị Hồng N, ông Tống Văn P về việc thanh toán tiền theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212 ngày 10/5/2019 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử.

2. Xác nhận tính đến hết ngày 05/6/2024, tổng khoản nợ của bà N, ông P tại Ngân hàng TMCP A là 750.423.508 đồng (bảy trăm năm mươi triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm lẻ tám đồng), gồm:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212 ngày 10/5/2019: Nợ gốc 368.527.988 đồng; nợ lãi 314.503.671 đồng; phạt chậm trả 63.136.329 đồng.

Nợ lãi của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử (hợp đồng thẻ tín dụng) là 4.255.520 đồng.

3. Buộc bà N, ông P trả Ngân hàng TMCP A:

3.1. Số tiền nợ tính đến ngày 05/6/2024 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212 ngày 10/5/2019 là 746.167.988 đồng, gồm: Nợ gốc 368.527.988 đồng; nợ lãi 314.503.671 đồng; phạt chậm trả 63.136.329 đồng.

Và số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 đến ngày bà N, ông P thực tế thanh toán toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1905091380212 ngày 10/5/2019.

3.2. Số tiền nợ lãi của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử (hợp đồng thẻ tín dụng) tính đến ngày 05/6/2024 là 4.255.520 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 cho đến ngày thực tế tất toán khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà N, ông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn Honda Jazz V CVT biển kiểm soát 30F-714.xx, số khung

MRHGK5830KT040xxx; Số máy L15Z24463xxx (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 5729xx đứng tên Lê Thị Hồng N).

Khi có quyết định thi hành án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, buộc các tổ chức, cá nhân đang chiếm hữu, sử dụng tài sản nói trên phải bàn giao để đảm bảo việc thi hành án.

3. Án phí: Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí; Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự 12.830.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19003 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Bà Lê Thị Hồng N, ông Tống Văn P phải chịu 34.016.940 đồng (ba mươi tư triệu, không trăm mười sáu nghìn, chín trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự.

Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Lê Thị Hồng N, ông Tống Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà